

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2026/QĐ-CTUBND

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND
ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP và Nghị định số 52/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Thẩm quyền quyết định giao tài sản (trừ tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; đất để xây dựng trụ sở làm việc) cho cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 và Điều 44 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP và Nghị định số 52/2026/NĐ-CP.”

b) Bổ sung điểm o vào sau điểm n như sau:

“o) Thẩm quyền quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2026/NĐ-CP và Nghị định 52/2026/NĐ-CP”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản (trừ tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; đất để xây dựng trụ sở làm việc)

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý của đơn vị mình (trừ trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản công do cấp mình đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc quản lý cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đối với tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc.

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đối với tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức mình.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản

có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản sản đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản công (trừ đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản sản đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc.

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản công (trừ đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản sản đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức mình.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công (trừ đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản sản đến dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, tổ chức mình và đơn vị trực thuộc vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.



2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.”

6. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15 của Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang như sau:

“Điều 15a. Thẩm quyền quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan nhà nước

Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng của cơ quan, tổ chức mình và các đơn vị trực thuộc đối với vật tư, vật liệu thu hồi có giá trị từ 10 triệu đồng đến dưới 3 tỷ đồng.”

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang

1. Bổ sung cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 286/2025/NĐ-CP và Nghị định số 52/2026/NĐ-CP” vào sau cụm từ “Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công” và cụm từ “Nghị định 186/2025/NĐ-CP”;

2. Thay thế cụm từ “Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” thành “Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh” tại điểm g khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 9.

3. Bãi bỏ cụm từ “(trừ trụ sở làm việc; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà)” tại khoản 3 Điều 9.

4. Thay thế cụm từ “trừ trụ sở làm việc; xe ô tô; phương tiện vận tải khác” thành “trừ đất, nhà làm việc; xe ô tô; phương tiện vận tải khác” tại khoản 1 Điều 11.

5. Thay thế cụm từ “thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình” thành “thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc” tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 7; điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2

Điều 8; điểm a khoản 1 Điều 10; điểm a khoản 1 Điều 11; khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 13.

6. Thay thế cụm từ “có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản” thành “có nguyên giá dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản” tại Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 10; khoản 1 Điều 11; Điều 12; Điều 13.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở; Thủ trưởng ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Chánh VP, các Phó VP UBND tỉnh;
- Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CSDL văn bản QPPL tỉnh Tuyên Quang;
- Báo, PTTH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTTH (Tuân)

CHỦ TỊCH



(Báo cáo);

Phan Huy Ngọc

